

Số: 376/QĐ-TCĐT

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2024

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN

**QUYẾT ĐỊNH**

Số: 4481  
Ngày: 14/9/2024

Về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh  
học kỳ I năm học 2024-2025

Chuyển: .....

Số và ký hiệu HS: .....

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 36/2019/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Dự trữ Nhà nước thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2112/QĐ-BTC ngày 09/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ I năm học 2024-2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý hàng dự trữ.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao nhiệm vụ cho các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực xuất cấp (không thu tiền) gạo dự trữ quốc gia, vận chuyển, giao cho các tỉnh tại trung tâm quận, huyện, thị xã, thành phố để hỗ trợ cho học sinh học kỳ I năm học 2024-2025 theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn và Quyết định số 2112/QĐ-BTC ngày 09/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ I năm học 2024-2025.

- Chi tiết các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực xuất gạo và địa phương nhận gạo theo phụ lục đính kèm.

- Thời hạn hoàn thành giao nhận gạo xong trước ngày 30/11/2024.

**Điều 2.** Các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực có trách nhiệm:

1. Có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh sớm có kế hoạch phân bổ, tiếp nhận gạo (xong trước ngày 20/10/2024) để kịp thời hỗ trợ cho học sinh, bảo đảm đúng đối tượng; số lượng gạo đề nghị tiếp nhận phù hợp với nhu cầu thực tế để hạn chế tình trạng đã tiếp nhận nhưng không phân bổ, sử dụng hết.

Việc xử lý số lượng gạo đã tiếp nhận nhưng không sử dụng hết, thực hiện theo hướng dẫn tại khoản c, mục 5 của văn bản số 15777/BTC-TCĐT ngày 04/11/2016 của Bộ Tài chính về thực hiện hỗ trợ gạo dự trữ quốc gia cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2019 của Chính phủ.

2. Phối hợp chặt chẽ với các Sở, Ban, ngành của địa phương tổ chức triển khai thực hiện việc giao, nhận gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh theo đúng quy định.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ gạo học kỳ I, trường hợp số lượng gạo địa phương phân bổ, tiếp nhận thấp hơn so với quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước thì cấp theo số gạo tiếp nhận thực tế của địa phương; trường hợp, số lượng gạo địa phương phân bổ, tiếp nhận cao hơn so với quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước thì cấp theo số Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước đã quyết định, đồng thời đề nghị các địa phương có văn bản báo cáo Bộ Tài chính, Tổng cục Dự trữ Nhà nước để quyết định xuất cấp bổ sung, bảo đảm phù hợp với thời gian học kỳ I của năm học.

3. Việc giao, nhận gạo hỗ trợ học sinh thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 51/2020/TT-BTC ngày 02/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quy trình xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và quản lý kinh phí đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ; văn bản số 15777/BTC-TCĐT ngày 04/11/2016 của Bộ Tài chính về thực hiện hỗ trợ gạo dự trữ quốc gia cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2019 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

4. Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc vận chuyển số gạo đã được giao xuất cấp nêu trên cho địa phương kịp thời, đảm bảo đủ số lượng, chất lượng và thời gian quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Vụ trưởng các Vụ: Quản lý hàng dự trữ, Kế hoạch, Tài vụ - Quản trị, Khoa học và Công nghệ bảo quản và Cục trưởng các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND các tỉnh (phối hợp, thực hiện);
- Bộ Tài chính (Vụ NSNN);
- Lãnh đạo Tổng cục;
- Lưu: VT, Vụ QLHDT (73b) *tr*





Phụ lục

## XUẤT GẠO HỖ TRỢ HỌC SINH HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 376/QĐ-TĐT ngày 11/9/2024 của Tổng cục Dự trữ Nhà nước)

ĐVT: Lượng (kg)

STT	Địa phương nhận gạo (Tỉnh)	Số lượng gạo giao các Cục DTNN khu vực xuất cho các địa phương	Đơn vị xuất gạo	
			Số lượng gạo	Cục DTNN khu vực
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>37.379.521,2</b>	<b>37.379.521,2</b>	
1	Sơn La	3.797.242	3.220.050,7	Hải Hưng
			577.191,3	
2	Hòa Bình	1.051.920	1.051.920	Hà Nội
3	Điện Biên	4.259.307,7	2.300.778,7	
			1.958.529	Hà Nam Ninh
4	Lai Châu	1.991.471	1.991.471	
5	Bắc Giang	192.000	192.000	
6	Lạng Sơn	1.851.090	1.851.090	Hà Bắc
7	Hà Giang	4.066.013	585.075	
			3.480.938	Hải Hưng
8	Lào Cai	2.802.975	441.398	
			2.361.577	
9	Yên Bái	1.564.953	1.564.953	Vĩnh Phú
10	Phú Thọ	288.960	288.960	
11	Tuyên Quang	900.000	812.225	
			87.775	Hoàng Liên Sơn
12	Bắc Kạn	1.049.714,5	1.049.714,5	
13	Thái Nguyên	186.000	186.000	Bắc Thái
14	Cao Bằng	2.775.000	893.137,5	
			1.881.862,5	Đông Bắc
15	Quảng Ninh	16.125	16.125	
16	Thanh Hóa	748.275	748.275	Thanh Hóa

STT	Địa phương nhận gạo (Tỉnh)	Số lượng gạo giao các Cục DTNN khu vực xuất cho các địa phương	Đơn vị xuất gạo	
			Số lượng gạo	Cục DTNN khu vực
17	Nghệ An	1.553.195	1.553.195	Nghệ Tĩnh
18	Quảng Trị	424.965	424.965	Bình Trị Thiên
19	Quảng Bình	213.420	213.420	
20	Thừa Thiên Huế	18.045	18.045	
21	Quảng Nam	1.183.860	1.183.860	Đà Nẵng
22	Quảng Ngãi	1.171.260	1.171.260	Nghĩa Bình
23	Bình Định	91.365	91.365	
24	Ninh Thuận	255.000	255.000	Nam Trung Bộ
25	Bình Thuận	6.750	6.750	
26	Phú Yên	42.000	42.000	
27	Khánh Hòa	104.550	104.550	
28	Gia Lai	762.825	762.825	Bắc Tây Nguyên
29	Kon Tum	1.165.890	1.165.890	
30	Lâm Đồng	151.500	151.500	Nam Tây Nguyên
31	Đắk Lắk	1.109.565	1.109.565	
32	Đắk Nông	852.750	852.750	
33	Bình Phước	157.500	157.500	Đông Nam Bộ
34	Trà Vinh	20.325	20.325	Cửu Long
35	Bến Tre	98.025	98.025	
36	Vĩnh Long	10.980	10.980	
37	Cà Mau	11.400	11.400	Tây Nam Bộ
38	Sóc Trăng	282.480	282.480	
39	Kiên Giang	147.075	147.075	
40	Hậu Giang	3.750	3.750	

4